

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2019 (vốn trong nước không bao gồm TPCP)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 2106/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết dự toán chi ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2118/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 134/TTr-SKHĐT ngày 29/01/2019, theo thỏa thuận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 21/UBND-KT ngày 30/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2019 (vốn trong nước không bao gồm trái phiếu Chính phủ) với tổng số vốn là 387.602 triệu đồng (Ba trăm tám mươi bảy tỷ, sáu trăm lẻ hai triệu đồng), bao gồm:

- Vốn các chương trình mục tiêu: 271.810 triệu đồng;
- Vốn chương trình MTQG Xây dựng NTM: 92.400 triệu đồng;
- Vốn chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững: 23.392 triệu đồng.

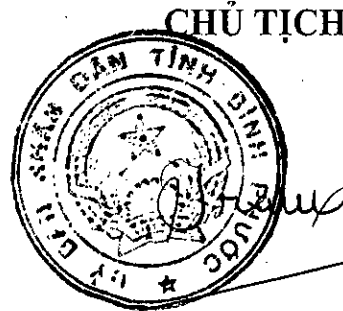
(Có kế hoạch vốn chi tiết kèm theo)

Điều 2. Căn cứ kế hoạch vốn được giao, các chủ đầu tư nhanh chóng tổ chức triển khai thực hiện, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ giải ngân kế hoạch năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động – Thương binh và Xã hội, Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Chánh Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ: KH&ĐT, TC (b/c);
- TTTU, TT.HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, các Phòng, TTTH-CB;
- Lưu: VT, (13Binh).



Nguyễn Văn Trâm

Biểu số 1
KẾ HOẠCH VỐN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU NĂM 2019
NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số: 227 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020			Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2018			Kế hoạch vốn năm 2019		Chủ đầu tư	
		Số quyết định đầu tư, ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số		Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			
	Tổng cộng		1.545.145	1.411.816	868.690	868.690	30.000	271.000	271.000	-	271.810	30.000	
I	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng		626.920	596.000	548.000	548.000	-	180.000	180.000	-	196.810	-	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>626.920</i>	<i>596.000</i>	<i>548.000</i>	<i>548.000</i>	<i>-</i>	<i>180.000</i>	<i>180.000</i>	<i>-</i>	<i>196.810</i>	<i>-</i>	
1	Đường từ ngã 3 Vườn Chuối (Quốc lộ 14) đến khu vực tránh có Bù Lạch (thuộc tour du lịch nối với Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiêng Sok Bom Bo) xã Đông Nai, huyện Bù Đăng	2403/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 988/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	100.000	100.000	90.000	90.000		40.000	40.000		30.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Nâng cấp đường ĐT 755 đoạn từ thị trấn Đức Phong đi Lam Sơn huyện Bù Đăng	994/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	66.000	66.000	60.000	60.000		13.000	13.000		12.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
3	Đường tránh nội ô thị xã Đông Xoài (Kết nối ĐT 741 với QL 14)	1593/QĐ-UBND ngày 28/6/2017	109.920	90.000	80.000	80.000		33.000	33.000		47.000		UBND Thành phố Đông Xoài
4	Đường trục chính khu trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	1322/QĐ-UBND ngày 31/5/2017	77.000	77.000	70.000	70.000		23.000	23.000		16.000		UBND huyện Phú Riềng
5	Trụ sở huyện ủy, trụ sở HĐND-UBND, hội trường và trụ sở khối đoàn thể huyện Phú Riềng	1038a/QĐ-UBND ngày 28/4/2017	77.000	77.000	70.000	70.000		21.000	21.000		16.000		UBND huyện Phú Riềng
6	Các tuyến đường nối QL 14 với khu dân cư Ấp 1, xã Tiên Thành, thị xã Đông Xoài, tỉnh Bình Phước	2152/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	117.000	106.000	106.000	106.000		20.000	20.000		55.810		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
7	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Chu Trinh kết nối với QL 13 huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	2807/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	80.000	80.000	72.000	72.000		30.000	30.000		20.000		UBND huyện Lộc Ninh
II	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn miền núi và hải đảo		676.725	575.216	99.000	99.000	-	35.000	35.000	-	10.000	-	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>676.725</i>	<i>575.216</i>	<i>99.000</i>	<i>99.000</i>	<i>-</i>	<i>35.000</i>	<i>35.000</i>	<i>-</i>	<i>10.000</i>	<i>-</i>	
	Cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020	1153/QĐ-UBND ngày 04/6/2014	676.725	575.216	99.000	99.000		35.000	35.000		10.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
III	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		110.000	110.000	101.690	101.690	-	13.000	13.000	-	15.000	-	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>110.000</i>	<i>110.000</i>	<i>101.690</i>	<i>101.690</i>	<i>-</i>	<i>13.000</i>	<i>13.000</i>	<i>-</i>	<i>15.000</i>	<i>-</i>	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020			Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2018			Kế hoạch vốn năm 2019		Chủ đầu tư
		Số quyết định đầu tư, ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW						
	Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lu	1246/QĐ-UBND ngày 23/5/2017	110.000	110.000	101.690	101.690		13.000	13.000		15.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
IV	Chương trình mục tiêu Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn		45.000	44.100	40.000	40.000		13.000	13.000	-	10.000	-	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		45.000	44.100	40.000	40.000		13.000	13.000	-	10.000	-	
	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Bù Đốp	1836/QĐ-UBND ngày 31/7/2017	45.000	44.100	40.000	40.000		13.000	13.000		10.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
V	Chương trình mục tiêu quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm		55.000	55.000	50.000	50.000		30.000	30.000	-	10.000	-	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		55.000	55.000	50.000	50.000		30.000	30.000	-	10.000	-	
	Đường nhựa vào các Đồn biên phòng Thanh Hóa, Đắk C, Bù Gia Mập và cụm dân cư Bù Gia Mập	2404/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 990/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	55.000	55.000	50.000	50.000		30.000	30.000		10.000		Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng
VI	Thu hồi các khoản vốn ứng trước		31.500	31.500	30.000	30.000	30.000				30.000	30.000	
1	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung liên xã Bù Nho - Long Tân	2737/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000				10.000	10.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã An Khương	2944/QĐ-UBND ngày 16/11/2016	11.500	11.500	10.000	10.000	10.000				10.000	10.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bù Môn	2695/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000				10.000	10.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh

Biểu số 2

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XD NTM NĂM 2019

Nguồn vốn: Nguồn ngân sách Trung ương năm 2019

Vốn phân cấp về cho UBND các huyện, thị xã quản lý

(Kèm theo Quyết định số: 227 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án công trình	Kế hoạch vốn năm 2019	Đơn vị	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	92.400		
I	Huyện Lạc Ninh	23.400	UBND huyện Lạc Ninh	
1	Xã Lạc Thuận	5.600		Về đích năm 2019
2	Xã Lạc Điền	5.600		Về đích năm 2019
3	Xã Lạc Thịnh	5.600		Về đích năm 2019
4	Xã Lạc Quang	1.000		Xã ĐBK
5	Xã Lạc Phú	1.000		Xã ĐBK
6	Xã Lạc Thành	4.600		Xã ĐBK (Trong đó bao gồm 3.600 triệu đồng để thực hiện QĐ số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của TTCP)
II	Huyện Đồng Phú	11.200	UBND huyện Đồng Phú	
1	Xã Đồng Tiến	5.600		Về đích năm 2019
2	Xã Tân Hưng	5.600		Về đích năm 2019
III	Huyện Chơn Thành	11.200	UBND huyện Chơn Thành	
1	Xã Minh Thắng	5.600		Về đích năm 2019
2	Xã Minh Lập	5.600		Về đích năm 2019
IV	Huyện Hớn Quản	11.200	UBND huyện Hớn Quản	
1	Xã Đồng Nơ	5.600		Về đích năm 2019
2	Xã Tân Hiệp	5.600		Về đích năm 2019
V	Huyện Bù Đăng	6.550	UBND huyện Bù Đăng	
1	Xã Bom Bo	5.550		Về đích năm 2019

2	Xã Đường 10	1.000		Xã ĐBKK
VI	Huyện Bù Đốp	11.150	UBND huyện Bù Đốp	
1	Xã Tân Tiến	5.550		Về đích năm 2019
2	Xã Hưng Phước	1.000		Xã ĐBKK
3	Xã Phước Thiện	4.600		Xã ĐBKK (Trong đó bao gồm 3.600 triệu đồng để thực hiện QĐ số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của TTCP)
VII	Huyện Phú Riềng	5.550	UBND huyện Phú Riềng	
1	Xã Bình Sơn	5.550		Về đích năm 2019
VIII	Huyện Bù Gia Mập	12.150	UBND huyện Bù Gia Mập	
1	Xã Bình Thắng	5.550		Về đích năm 2019
2	Xã Đăk Ô	4.600		Xã ĐBKK (Trong đó bao gồm 3.600 triệu đồng để thực hiện QĐ số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của TTCP)
3	Xã Bù Gia Mập	1.000		Xã ĐBKK
4	Xã Phú Văn	1.000		Xã ĐBKK

*Ghi chú: Giao UBND các huyện, thị xã giao kế hoạch vốn chi tiết cho các dự án đến từng chủ đầu tư theo quy định.

Biểu số 3

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 2019

Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương năm 2019

Vốn phân cấp về cho UBND các huyện, thị xã quản lý

(Kèm theo Quyết định số: **227/QĐ-UBND** ngày **30 tháng 01** năm 2019 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án công trình	Kế hoạch vốn năm 2019	Đơn vị	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	23.392		
I	Huyện Bù Đốp	3.950	UBND huyện Bù Đốp	
1	Xã ĐBK	2.600		
a	Xã Hưng Phước (xã khu vực III, xã ĐBK)	1.300		
b	Xã Phước Thiện (xã khu vực III, xã ĐBK)	1.300		
2	Thôn, ấp ĐBK	1.350		
a	Xã Thanh Hòa (xã khu vực II, có 04 ấp ĐBK: ấp 2, ấp 4, ấp 5, ấp 8)	960		
b	Xã Tân Tiến (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBK: thôn Sóc Nê)	240		
c	Xã Thiện Hưng (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBK: thôn Thiện Cư)	150		Xã về đích NTM năm 2017
II	Huyện Đồng Phú	1.492	UBND huyện Đồng Phú	
1	Xã ĐBK	622		
a	Xã Tân Lợi (xã khu vực III; xã ĐBK)	622		Xã về đích NTM năm 2017
2	Thôn, ấp ĐBK	870		
a	Xã Tân Phước (xã khu vực II, có 01 ấp ĐBK: ấp Nam Đô)	150		Xã về đích NTM năm 2017
b	Xã Đồng Tâm (Xã khu vực II, có 03 ấp ĐBK: ấp 1, ấp 2, ấp 3)	720		
III	Huyện Hớn Quản	1.890	UBND huyện Hớn Quản	
*	Thôn, ấp ĐBK	1.890		
a	Xã Thanh An (xã khu vực II, có 03 ấp ĐBK: ấp Xa Cô, ấp Bù Dinh, ấp Phùm Lu)	720		
b	Xã Phước An (xã khu vực II, có 02 ấp ĐBK: ấp Tổng Cui Lớn, ấp Tổng Cui Nhỏ)	480		
c	Xã An Khương (xã khu vực II, có 03 ấp ĐBK: thôn 2, thôn 3, thôn 4)	450		Xã về đích NTM năm 2018
d	Xã Tân Hưng (xã khu vực II, có 01 ấp ĐBK: ấp Sóc Quả)	240		
IV	Huyện Phú Riềng	1.350	UBND huyện Phú Riềng	
*	Thôn, ấp ĐBK	1.350		

a	Xã Long Tân (xã khu vực II, 01 thôn ĐBKK: thôn 6)	240		
b	Xã Long Hà (xã khu vực II, có 03 thôn ĐBKK: thôn Bù Ka 1; Phu Mang 1; Phu Mang 2)	720		
c	Xã Phú Riêng (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBKK: thôn Phú Bình)	150		Xã về đích NTM năm 2017
d	Xã Phú Trung (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBKK: thôn Phú Tiến)	240		
V	Huyện Lộc Ninh	5.490	UBND huyện Lộc Ninh	
1	Xã ĐBKK	3.900		
a	Xã Lộc Phú (xã khu vực III, xã ĐBKK)	1.300		
b	Xã Lộc Thành (xã biên giới)	1.300		
c	Xã Lộc Quang (xã khu vực III, xã ĐBKK)	1.300		
2	Thôn, ấp ĐBKK	1.590		
a	Xã Lộc Hòa (xã khu vực II, có 01 ấp ĐBKK: ấp Suối Thôn)	240		
b	Xã Lộc Tấn (xã khu vực II, có 01 ấp ĐBKK: ấp Bù Núi B)	150		Xã về đích NTM năm 2018
c	Xã Lộc Khánh (xã khu vực II, có 03 ấp ĐBKK: ấp Ba Ven, Chà Đôn, Sóc Lớn)	720		
d	Xã Lộc Thịnh (xã khu vực II, có 02 ấp ĐBKK: ấp Chà Là, ấp Tà Thiết)	480		
VI	Huyện Bù Đăng	2.740	UBND huyện Bù Đăng	
1	Xã ĐBKK	1.300		
a	Xã Đường 10 (xã khu vực III, xã ĐBKK)	1.300		
2	Thôn, ấp ĐBKK	1.440		
a	Xã Thống Nhất (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBKK: thôn 10)	240		
b	Xã Phú Sơn (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBKK: thôn Sơn Tân)	240		Xã về đích NTM năm 2018
c	Xã Đăng Hà (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBKK: thôn 5)	240		
d	Xã Đăk Nhau (xã khu vực II, có 03 thôn ĐBKK: thôn Đăk La, Đăk Nung, Đăng Lang)	720		
VII	Huyện Bù Gia Mập	5.940	UBND huyện Bù Gia Mập	
1	Xã ĐBKK	3.900		
a	Xã Đăk Ố (xã khu vực III, xã ĐBKK)	1.300		
b	Xã Phú Vãn (xã khu vực III, xã ĐBKK)	1.300		
c	Xã Bù Gia Mập (xã khu vực III, xã ĐBKK)	1.300		

2	Thôn, ấp ĐBK	2.040		
a	Xã Phước Minh (xã khu vực II, có 03 thôn ĐBK: thôn Bù Tam, Bình Giai, Bình Tiến 1)	720		
b	Xã Đa Kia (xã khu vực II, 02 thôn ĐBK : thôn Bình Hà 1, Bình Hà 2)	300		Xã về đích NTM năm 2018
c	Xã Bình Thắng (xã khu vực II, có 03 thôn ĐBK: thôn 6B, thôn 8, thôn 9)	720		
d	Xã Đức Hạnh (xã khu vực II, 02 thôn ĐBK: Bù Kroai, Sơn Trung)	300		Xã về đích NTM năm 2017
VIII	Huyện Chợ Thành	240	UBND huyện Chợ Thành	
*	Thôn, ấp ĐBK	240		
	Xã Quang Minh (xã khu vực II, 01 ấp ĐBK: Bàu Tè)	240		
IX	Thị xã Phước Long	150	UBND thị xã Phước Long	
*	Thôn, ấp ĐBK	150		
	Xã Long Giang (xã khu vực II, 01 thôn ĐBK: thôn 7)	150		Xã về đích NTM năm 2016
X	Thị xã Bình Long	150	UBND thị xã Bình Long	
*	Thôn, ấp ĐBK	150		
	Xã Thanh Lương (xã khu vực II, 01 ấp ĐBK: Cản Lê)	150		Xã về đích NTM năm 2016

*Ghi chú: Giao UBND các huyện, thị xã giao kế hoạch vốn chi tiết cho các dự án đến từng chủ đầu tư theo quy định.

PH. PH.